

Name: _____

Class: _____

活动

Chọn động từ đúng điền vào chỗ trống



她在 _____ 书.

做

看

读



月月 _____ 画儿.

画

打

踢



他们在 _____ 课

下

上

学



星星在泳池 _____

起床

睡觉

游泳



小米在床上 _____

睡觉

做饭

上课

Name: _____

Class: _____

活动

Chọn động từ đúng điền vào chỗ trống



我想 _____ 汤

喝

吃

做



月月 _____ 音乐.

读

说

听



他们在 _____ 话

说

看

写



星星在 _____ 汉字

写

读

听



小明 _____ 药

喝

吃

打

Name: _____

Class: _____

活动

Chọn động từ đúng điền vào chỗ trống



他们在_____ 歌

唱

听

看



两个男的在_____ 游戏

踢

玩

看



他们在_____

游泳

踢球

运动



月月6点_____ 床

上

起

下



妈妈_____ 饭

做

吃

玩

Name: _____

Class: _____

活动

Chọn động từ đúng điền vào chỗ trống



他们在_____

跑步

跳舞

学习



这三个人在_____

跳舞

唱歌

画画儿



他在_____ 电话

打

说

看



他想_____ 问题

回答

问

听



小宝宝_____ 衣服

做

穿

找